

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Như Huân.
- Ông Trần Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Huyền Thương, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Huyền Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đặng Thị T, sinh năm 1998.
- Bị đơn: anh Trần Văn C, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị T và anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án ngày 12 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Chị T và anh Trần Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng

xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi vã. Chị T đã cho anh C nhiều cơ hội để sửa chữa thay đổi tính cách nhưng anh C không thay đổi, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện tại vợ chồng không cùng chung sống. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Giữa chị T và anh C có hai con chưa thành niên tên là Trần Ngọc M, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2016 và Trần Ngọc A, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2020, hiện tại hai con đang sinh sống cùng với mẹ. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng cho con, chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Giữa chị T và anh C không có tài sản và nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2023, bị đơn anh Trần Văn C trình bày:*

Về việc kết hôn, tài sản, nợ chung và con chung: Lời khai của anh C thống nhất như bản tự khai của chị T trình bày tại Tòa án.

Về yêu cầu ly hôn: Anh C nhận thấy quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, không xảy ra mâu thuẫn nên anh chưa muốn ly hôn chị T. Nếu ly hôn, về nuôi con và cấp dưỡng cho con anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Việc chị T và anh C không sống cùng nhau nên không thể chăm sóc vun đắp tình cảm cho nhau, hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm của chị T dành cho anh C không còn nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T. Về con chung: Giữa chị T và anh C có hai con chung tên là Trần Ngọc M và Trần Ngọc A, hiện tại hai con đang sinh sống cùng với mẹ. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng, chị T đi làm có thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng các con; điều kiện hiện tại của anh C không thể trực tiếp nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị T và anh C kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh C không chung sống với nhau nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không thể cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên tình cảm của chị T dành cho anh C không còn nữa. Do vậy, hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị T ly hôn anh C là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Giữa chị T và anh C có hai con chưa thành niên tên là Trần Ngọc M và Trần Ngọc A, cháu A chưa được 36 tháng tuổi, hiện tại hai con đang sinh sống cùng với mẹ. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Xem xét về điều kiện nuôi con, chị T có việc làm ổn định và thu nhập hằng tháng đảm bảo cuộc sống cho các con; điều kiện hiện tại của anh C không thể trực tiếp nuôi con. Căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì hai con sẽ được giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh C trình bày là không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Trần Ngọc M, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2016 và Trần Ngọc A, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2020 cho đến khi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: không giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Nam Định theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004060 ngày 14 tháng 11 năm 2022, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường